

Số: 175/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hồng.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 287/2024/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 152/2024/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Lê Thị T, sinh năm 1990; thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: Số 348 N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH H; địa chỉ: Lô 115, 116, 124, 125, một phần lô số 117, 126 đường số 06, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông YOON T, sinh năm 1958; địa chỉ: Lô 115, 116, 124, 125, một phần lô số 117, 126 đường số 06, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1992; thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: Số 30 đường số 6, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội D; địa chỉ: Đường T, khu trung tâm hành chính thành phố Dĩ An, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024), (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị T trình bày:

Vào tháng 05/2008, bà T có làm việc tại Công ty TNHH SXTM TBM M tại địa chỉ Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh công ty có đóng bảo hiểm cho bà T số 7908149495. Từ tháng 08/2009 đến tháng 09/2010 bà T có làm việc tại Công ty cổ phần giày Duy H; địa chỉ: số 8, đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Sóng Thần I, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với vị trí công nhân may, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 sáng đến 16 giờ 30 chiều, chưa kể tăng ca. Trong quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho bà T số 7409242134. Từ tháng 10/2010 đến tháng 03/2021 bà T nghỉ việc ở nhà. Từ tháng 04/2011 đến 04/2012 bà T có làm việc tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô 58-60 KCX Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian làm việc từ 08 giờ 00 sáng đến 16 giờ 30 chưa kể tăng ca. Trong quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho bà T số 7411111601. Từ tháng 06/2012 đến tháng 09/2023 bà T có làm Công ty may mặc B; địa chỉ: Đường số 6, Phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; thời gian làm việc từ 08 giờ 00 sáng đến 16 giờ 30 chiều. Quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho bà T số 7412177660. Từ tháng 10/2023 đến nay bà T ở nhà phụ giúp gia đình. Đến tháng 10/2024 bà T đi làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội để lấy tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được Bảo hiểm xã hội D trả lời là bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2009 đến tháng 10/2010. Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: Vào tháng 12/2008 em họ bà T tên Hoàng Thị N chưa đủ 18 tuổi nên bà T có cho em Hoàng Thị N mượn chứng minh nhân dân số 173381112 cấp ngày 22/11/1990 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Lê Thị T, sinh ngày 22/11/1990 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H. Thời gian làm việc từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 thì nghỉ việc.

Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị T với Công ty TNHH H vô hiệu.

Việc bà Hoàng Thị N mượn hồ sơ lao động của bà Lê Thị T để làm việc tại Công ty TNHH H là lỗi của bà T và bà N, không liên quan đến Công ty. Do đó, bà tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định. Ngoài ra, bà T xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác trong việc này.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H trình bày:

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội

cho người lao động đó theo quy định. Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty TNHH H thì vào ngày 05/12/2008 Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Lê Thị T, sinh ngày 12/11/1990, số chứng minh nhân dân: 173381112 và nghỉ việc ngày 30/10/2010. Bà T vào công ty làm việc với vai trò là công nhân, thời gian làm việc theo quy định của nội quy lao động công ty. Công ty có tham gia BHXH cho bà T từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 theo mã số sổ 7409122598. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị T (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH H thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà T.

Đối với các chế độ của bà T sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà T vì vậy Công ty TNHH H không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N trình bày:*

Bà và bà T có mối quan hệ bạn bè. Năm 2008, do chưa đủ tuổi để làm hồ sơ xin việc nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà T để xin vào làm việc tại Công ty TNHH H và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 thì nghỉ việc. Nay bà N thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T với Công ty TNHH H vô hiệu. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- *Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội D (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH H cho người lao động thì Công ty TNHH H có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị T, sinh năm 1990, số CCCD 038190008326, với mã số BHXH 7409122589 từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 và đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra bà Lê Thị T còn có mã số 7409242134 tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 08/2009 đến tháng 09/2010 tại Công ty cổ phần giày Duy H. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Lê Thị T thì Bảo hiểm xã hội D không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Lê Thị T là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp

nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị T, bà Hoàng Thị N, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội D và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010, người lao động tên Lê Thị T sinh năm 1990, chứng minh nhân dân số 173381112 (căn cước công dân số 038190008326), được Công ty TNHH H tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409122589. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH H và bà T phát sinh từ tháng 12/2008 cho đến tháng 10/2010 hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà T và bà N thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 là bà Hoàng Thị N chứ không phải bà Lê Thị T. Do bà N chưa đủ tuổi nên bà T đã cho bà N mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà N phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H.

[2.2] Xét thấy, việc bà Hoàng Thị N sử dụng chứng minh nhân dân của bà Lê Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Lê Thị T bị trùng từ tháng 08/2009 đến tháng 09/2010. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH H với bà Lê Thị T vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Lê Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị T với Công ty TNHH H bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001843 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hồng